



Tuần 37 (12/09-16/09/22)

BSC WEEKLY REVIEW

***Cập nhật danh mục ETF FTSE
Vietnam và ETF VNM Quý 3 năm 2022***



NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *VN-Index khả năng còn biến động mạnh tuần ETF cơ cấu và HĐTL đáo hạn*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Cập nhật danh mục ETF FTSE Vietnam và ETF VNM Quý 3 năm 2022*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ: *SBV bơm ròng tiền ra thị trường qua kênh tín phiếu*
4. PTKT VN-INDEX: *Thị trường đang chuyển sang vùng biến động mạnh, chưa rõ xu hướng tiếp theo*
5. TIN VĨ MÔ: *ECB nâng lãi suất 0.75%*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Viễn thông 14.17%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN: *Khối ngoại bán ròng trong tuần*
8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: VN-Index khả năng còn biến động mạnh tuần ETF cơ cấu và HĐTL đáo hạn

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1248.78	-2.48%
GTGD/piên (tỷ VND)	13,695.55	-3.29%
Khối ngoại (tỷ VND)	-882.97	
HNX-INDEX	284.63	-2.80%
GTGD/piên (tỷ VND)	1516.20	-23.89%
Khối ngoại (tỷ VND)	70.54	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4067.36	1.53%	2.53%	-3.33%
EU (EURO STOXX	3570.04	1.64%	0.72%	-5.47%
China (SHCOMP)	3262.05	0.82%	0.82%	-0.45%
Japan (NIKKEI)	28214.75	0.53%	2.04%	-1.16%
Korea (KOSPI)	2384.28	0.33%	-1.04%	-3.89%
Singapore (STI)	3262.95	0.91%	1.79%	-0.19%
Thailand (SET)	1654.62	0.89%	2.00%	1.99%
Phillipines (PCOMP)	6606.00	0.19%	-1.29%	-1.12%
Malaysia (KLCI)	1496.53	0.12%	0.36%	-0.60%
Indonesia (JCI)	7242.66	0.15%	0.91%	1.15%
Vietnam (VNIndex)	1248.78	1.15%	-2.48%	-0.61%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2209	1275.00	-0.05%	32,423	43,851
VN30F2210	1263.20	-0.98%	328	3,038
VN30F2212	1260.00	-1.23%	13	566
VN30F2203	1257.00	-1.46%	12	545

TTCK VIỆT NAM

Rúng động trước áp lực chốt lãi ngắn hạn

VN-Index giảm 2.48% sau chuỗi tuần tăng điểm kể từ đầu tháng 7, qua đó phá vỡ vùng tích lũy trên 1,620 điểm kéo dài 3 tuần trước đó. Số cổ phiếu và ngành giảm áp đảo với 15/19 ngành giảm điểm. Các ngành Ngân hàng, dịch vụ tài chính, Du lịch và giải trí có mức giảm trên 4.8%. Tương đồng với nhận định tuần trước, áp lực chốt lãi chưa được giải phóng sau nhiều tuần tăng điểm và điều này đã được thể hiện qua phiên bán tháo ngày 7/9 trước thông tin room tín dụng không như kỳ vọng và diễn biến tiêu cực của các TTCK thế giới. Lực bán phần nào đã được giải phóng giúp thị trường cân bằng lại tuy nhiên vẫn còn quá sớm để khẳng định thị trường có thể nhanh chóng quay lại vùng tích lũy trên 1,260 điểm. VN-Index cũng đang trong vùng biến động lớn và NĐT có thể cân nhắc canh mua vùng giá thấp trong những phiên rung lắc và phiên giá biến động ảnh hưởng từ ETFs cơ cấu và HĐTL đáo hạn.

Ngân hàng nhà nước tuần qua đã cấp tín dụng mới cho các Ngân hàng thương mại. NHNN cũng yêu cầu đẩy nhanh chương trình hỗ trợ lãi suất 2%, theo đó các NHTM không ban hành thêm điều kiện, thủ tục khác với quy định tại Nghị định Chính phủ. Sau gần 3 tháng triển khai, dự kiến tiền hỗ trợ lãi suất đến cuối tháng 8 mới đạt 13.5 tỷ đồng so với số tiền Bộ tài chính dự kiến bố trí 16,035 tỷ đồng trong năm 2022. Với số liệu cấp tín dụng mới khảo sát tại một số Ngân hàng và định hướng tín dụng 14% năm 2022 của NHNN, nhiều khả năng sẽ còn một đợt cấp tín dụng nữa với quy mô 1% - 1.5% vào cuối năm tùy theo diễn biến kinh tế vĩ mô. Dù vậy, với quy mô và cách thức cấp tín dụng này, dòng tín dụng sẽ tập trung vào lĩnh vực sản xuất và ít cơ hội lan tỏa sang các lĩnh vực đầu tư những tháng cuối năm 2023.

TTCK THẾ GIỚI

NHTW các nước tiếp tục duy trì đà tăng lãi suất mạnh, TTCK dần bình ổn sau cú sốc

Sau cú sốc giảm điểm trước quan điểm cứng rắn và lộ trình tăng lãi suất mạnh của các NHTW, TTCK các nước chủ chốt đang dần ổn định lại. TTCK các nước chủ chốt tăng lại bình quân 0.5%. TTCK các nước khu vực cũng tăng lại bình quân 1.5%, ngoại trừ TTCK Việt Nam giảm điểm. Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ cũng thu hẹp mức giảm trước đó. Chỉ số hàng hóa Bcom giảm 1.3%, giá dầu và khí ga giảm lần lượt 2.2% và 8.4%, đóng góp chủ yếu cho mức giảm trong khi giá kim loại tăng tốt. USD Index cũng giảm 1% trong bối cảnh EUR và CHF tăng giá trở lại. Trong tuần tới, trước kỳ họp FED, các thị trường sẽ quan tâm đến dữ liệu CPI Hoa Kỳ công bố vào 13/9. Thông tin lạm phát được thị trường chú ý cho dự báo động thái của FED trong tương lai khi khả năng tăng mạnh lãi suất khó có thể thay đổi trong kỳ tháng 9. ECB thông báo nâng lãi suất 0.75% trong kỳ họp tháng 9, lần tăng lãi suất thứ 2 sau khi tăng lãi suất từ -0.5% lên 0% trong tháng 7. ECB cũng dự báo lạm phát bình quân 8.1% năm 2022, 5.5% năm 2023 và 2.3% năm 2024 do ảnh hưởng giá năng lượng tăng vọt. Động thái ECB tương đồng với FED và các NHTW khác, cho thấy các bên sẵn sàng hy sinh tăng trưởng để chống lại lạm phát. Khác với các nước khác, NHTW Trung Quốc lại duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng khi nước này theo đuổi chính sách zero covid. Có ít nhất 74 thành phố với 313 triệu người đã áp dụng các biện pháp phong tỏa với nhiều hạn chế áp dụng. Chính sách zero covid vẫn đang ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng quốc gia này, ảnh hưởng chuỗi cung ứng toàn cầu và làm xấu hơn bức tranh tăng trưởng kinh tế thế giới trong năm 2022.

Chú thích: * tỷ VNĐ
^ hợp đồng 3



CHUYÊN MỤC TUẦN: *Cập nhật danh mục ETF FTSE Vietnam và ETF VNM Quý 3 năm 2022*

Ngày 02/09/2022, FTSE đã công bố danh mục FTSE Vietnam All-share và FTSE Vietnam Index, theo đó:

- FTSE đã thêm 02 cổ phiếu **CTR, VGC** và loại bỏ cổ phiếu: **HT1** ra khỏi danh mục FTSE Vietnam All-share đồng thời loại bỏ 02 cổ phiếu **KDH, SBT** ra khỏi chỉ số FTSE Vietnam Index và không thêm mới cổ phiếu nào;

Ngày 09/09/2022, MVIS cũng đã công bố danh mục điều chỉnh – cơ sở ETF VNM thực hiện tham chiếu, theo đó:

- Quỹ thêm mới 01 cổ phiếu: **HAG** đồng thời loại bỏ 02 cổ phiếu **CEO, APH** ra khỏi danh mục
- Danh mục MVIS Vietnam Index hiện có 58 cổ phiếu, trong đó có 44 cổ phiếu Việt Nam và 14 cổ phiếu nước ngoài;
- + Đối với danh mục MVIS, BSC đã dự báo chính xác về việc **CEO, APH** bị loại khỏi danh mục, đối với cổ phiếu **HAG** do cổ phiếu này đang thuộc diện kiểm soát nên nhóm phân tích đã loại bỏ trong quá trình dự báo danh mục.
- + Đối với danh mục FTSE Vietnam, một số cổ phiếu đã nằm ngoài dự báo do việc biến động giá và thanh khoản cũng như sự sai biệt về tỷ lệ free-foat so với dữ liệu tổ chức dự báo tính toán.

Ngày 16/09/2022, 02 quỹ ETF tham chiếu tương ứng theo 2 bộ chỉ số sẽ hoàn thành việc cơ cấu danh mục.

Trên cơ sở đó, danh mục Quỹ ETF VNM và FTSE Vietnam dự kiến thay đổi đối với các cổ phiếu Việt Nam như sau:

STT	Mã CK	MVIS Vietnam				FTSE Vietnam				Tổng		
		Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	Giá trị thay đổi (Tr USD)	SLCP mua/bán (+/-)	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	Giá trị thay đổi (Tr USD)	SLCP mua/bán (+/-)	Giá trị thay đổi (Tr USD)	SLCP mua/bán (+/-)	Ghi chú
1	VIC	6.95%	6.50%	(-1.70)	(-619,460)	11.63%	8.77%	(-8.53)	(-3,115,707)	(-10.23)	(-3,735,167)	
2	VHM	7.37%	8.00%	2.37	932,395	11.50%	11.18%	(-0.96)	(-377,622)	1.41	554,773	
3	MSN	6.66%	8.00%	5.05	1,023,196	10.86%	10.63%	(-0.70)	(-141,733)	4.35	881,463	
4	VNM	5.20%	6.00%	3.02	934,403	8.06%	9.06%	3.00	928,603	6.01	1,863,006	
5	NVL	6.47%	7.00%	2.00	554,726	8.16%	9.44%	3.81	1,058,171	5.81	1,612,896	
6	HPG	6.93%	4.49%	(-9.19)	(-9,082,531)	9.95%	10.87%	2.76	2,722,871	(-6.44)	(-6,359,660)	
7	SHB	0.90%	1.18%	1.04	1,713,592	0.00%	0.00%	0.00	0	1.04	1,713,592	
8	VCB	3.40%	4.38%	3.71	1,107,672	4.32%	5.86%	4.60	1,371,845	8.31	2,479,517	
9	VND	1.68%	2.09%	1.54	1,770,286	1.79%	2.13%	1.01	1,167,784	2.55	2,938,071	
10	DGC	2.30%	1.46%	(-3.17)	(-756,425)	2.63%	3.13%	1.51	359,326	(-1.66)	(-397,099)	
11	SSI	2.08%	2.53%	1.69	1,788,172	3.50%	3.31%	(-0.58)	(-614,268)	1.11	1,173,904	
12	PDR	1.31%	1.67%	1.37	602,992	2.58%	2.05%	(-1.57)	(-691,191)	(-0.20)	(-88,199)	
13	DXG	1.16%	0.36%	(-3.00)	(-2,799,515)	1.10%	1.09%	(-0.02)	(-18,097)	(-3.02)	(-2,817,612)	
14	VRE	2.34%	2.91%	2.15	1,839,168	4.49%	3.57%	(-2.74)	(-2,346,855)	(-0.59)	(-507,687)	
15	DIG	1.01%	1.19%	0.66	421,278	1.41%	1.93%	1.56	994,188	2.23	1,415,466	
16	HUT	0.82%	0.54%	(-1.05)	(-892,694)	0.00%	0.00%	0.00	0	(-1.05)	(-892,694)	
17	SAB	1.13%	1.40%	1.00	121,777	0.00%	0.00%	0.00	0	1.00	121,777	
18	VHC	0.85%	0.93%	0.31	81,930	0.00%	0.00%	0.00	0	0.31	81,930	
19	VJC	3.20%	0.93%	(-8.56)	(-1,706,348)	2.81%	3.20%	1.15	229,252	(-7.41)	(-1,477,095)	
20	IDC	1.17%	1.03%	(-0.54)	(-217,652)	0.00%	0.00%	0.00	0	(-0.54)	(-217,652)	

CHUYÊN MỤC TUẦN: Cập nhật danh mục ETF FTSE Vietnam và ETF VNM Quý 3 năm 2022

STT	Mã CK	MVIS Vietnam				FTSE Vietnam				Tổng		
		Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	Giá trị thay đổi (Tr USD)	SLCP mua/bán (+/-)	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	Giá trị thay đổi (Tr USD)	SLCP mua/bán (+/-)	Giá trị thay đổi (Tr USD)	SLCP mua/bán (+/-)	Ghi chú
21	KBC	1.70%	0.87%	(-3.13)	(-2,330,042)	1.60%	2.08%	1.43	1,064,122	(-1.70)	(-1,265,920)	
22	KDC	0.80%	0.49%	(-1.18)	(-412,697)	0.00%	0.00%	0.00	0	(-1.18)	(-412,697)	
23	VCI	0.97%	1.20%	0.87	553,628	1.59%	1.61%	0.06	40,367	0.93	593,995	
24	THD	1.33%	1.08%	(-0.94)	(-398,911)	0.00%	0.00%	0.00	0	(-0.94)	(-398,911)	
25	DPM	0.77%	0.93%	0.60	261,105	1.23%	1.35%	0.36	158,019	0.96	419,124	
26	CEO	0.51%	0.00%	(-1.92)	(-1,514,200)	0.00%	0.00%	0.00	0	(-1.92)	(-1,514,200)	MVIS loại
27	POW	0.60%	0.76%	0.60	1,005,731	0.97%	1.18%	0.61	1,024,569	1.21	2,030,300	
28	GEX	1.16%	0.92%	(-0.92)	(-925,022)	1.44%	1.71%	0.81	812,533	(-0.11)	(-112,489)	
29	PVS	0.57%	0.70%	0.48	420,314	0.00%	0.00%	0.00	0	0.48	420,314	
30	VPI	0.59%	0.79%	0.75	290,946	0.00%	0.00%	0.00	0	0.75	290,946	
31	ITA	0.30%	0.28%	(-0.09)	(-354,670)	0.00%	0.00%	0.00	0	(-0.09)	(-354,670)	
32	VIX	0.50%	0.63%	0.47	901,610	0.00%	0.00%	0.00	0	0.47	901,610	
33	STB	4.08%	1.59%	(-9.37)	(-9,276,174)	1.97%	1.92%	(-0.15)	(-151,352)	(-9.52)	(-9,427,526)	
34	HDG	0.70%	0.52%	(-0.67)	(-298,615)	0.00%	0.00%	0.00	0	(-0.67)	(-298,615)	
35	PVD	0.52%	0.64%	0.44	500,416	0.78%	0.81%	0.10	116,188	0.54	616,604	
36	SBT	0.49%	0.58%	0.32	427,866	0.75%	0.00%	(-2.24)	(-3,010,306)	(-1.92)	(-2,582,440)	FTSE loại
37	BVH	0.50%	0.49%	(-0.05)	(-21,018)	0.00%	0.00%	0.00	0	(-0.05)	(-21,018)	
38	BCG	0.57%	0.44%	(-0.48)	(-710,157)	0.00%	0.00%	0.00	0	(-0.48)	(-710,157)	
39	KDH	0.43%	1.47%	3.90	2,585,204	1.73%	0.00%	(-5.16)	(-3,478,082)	(-1.26)	(-892,878)	FTSE loại
40	HSG	0.80%	0.52%	(-1.05)	(-1,149,623)	0.69%	0.77%	0.22	245,984	(-0.83)	(-903,638)	
41	HNG	0.38%	0.38%	0.01	30,341	0.00%	0.00%	0.00	0	0.01	30,341	
42	TCH	0.43%	0.43%	(-0.01)	(-22,593)	0.53%	0.64%	0.32	668,659	0.30	646,066	
43	SHS	0.74%	0.49%	(-0.94)	(-1,813,398)	0.00%	0.00%	0.00	0	(-0.94)	(-1,813,398)	
44	APH	0.18%	0.00%	(-0.68)	(-1,336,100)	0.00%	0.00%	0.00	0	(-0.68)	(-1,336,100)	MVIS loại
45	VCG	0.45%	0.51%	0.21	224,323	0.77%	0.62%	(-0.45)	(-474,951)	(-0.24)	(-250,628)	
46	HAG	0.00%	0.64%	2.40	4,551,804	0.00%	0.00%	0.00	0		4,551,804	MVIS thêm mới
47	PLX	0.00%	0.00%	0.00	0	1.15%	1.09%	(-0.17)	(-96,960)	(-0.17)	(-96,960)	

*Dữ liệu cập nhật tại ngày 09/09/2022

Nguồn: BSC Research

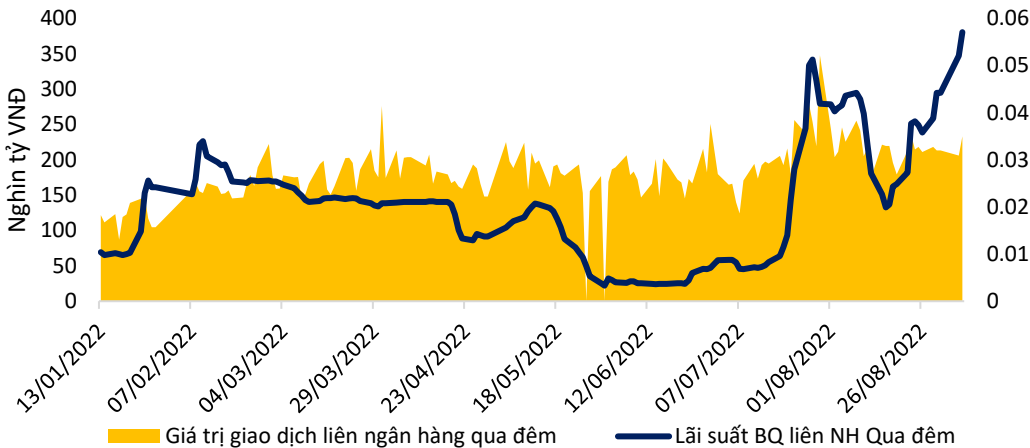
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị bán (tỷ VNĐ)	Giá trị đáo hạn (tỷ VNĐ)	Giá trị ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 29	18/7/2022	22/7/2022	24,150.00	78,049.60	-53,899.60
Tuần 30	25/7/2022	29/7/2022	0.00	12,379.50	-12,379.50
Tuần 31	1/8/2022	5/8/2022	12,000.00	39,899.90	-27,899.90
Tuần 32	8/8/2022	8/12/2022	9,700.00	58,899.50	-49,199.50
Tuần 33	15/8/2022	19/8/2022	103,729.60	9,700.00	94,029.60
Tuần 34	22/8/2022	26/8/2022	33,730.00	71,429.60	-37,699.60
Tuần 35	29/8/2022	2/9/2022	1,000.00	36,130.00	-35,130.00
Tuần 36	5/9/2022	9/9/2022	0.00	16,100.00	-16,100.00

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	5.46%	5.42%	5.27%	5.30%	5.97%	6.60%	7.13%
So với tuần trước	1.22%	0.79%	0.56%	0.49%	0.40%	-0.03%	-0.22%
KLGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	219,547	16,208	3,833	3,563	1,940	555	10
So với tuần trước	2.13%	-86.50%	121.52%	-14.64%	-48.54%	-40.04%	130.77%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 06/09/2022

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét: Trong tuần 36, 0 đồng giá trị tín phiếu được phát hành; 16.1 nghìn tỷ đồng giá trị tín phiếu đáo hạn. Như vậy, SBV đã bơm ròng 16.1 nghìn tỷ đồng qua kênh tín phiếu. Thị trường liên ngân hàng hoạt động sôi nổi hơn tuần trước khi lãi suất liên ngân hàng bình quân và khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm đều tăng so với tuần 35.

- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm: 5.46%
- Khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 219.55 tỷ VNĐ



PTKT VN-INDEX: Thị trường đang chuyển sang vùng biến động mạnh, chưa rõ xu hướng tiếp theo

Đồ thị ngày: Sau 4 phiên tích lũy đi ngang quanh 1,280 điểm, VN-Index đột ngột giảm mạnh với một cây nến marubozu, xuyên qua SMA20 và SMA100 với thanh khoản tăng mạnh. Diễn biến thị trường bị chi phối trước áp lực bán tháo do thông tin hỗ trợ không như kỳ vọng và diễn biến tiêu cực của thị trường thế giới. Phiên giảm điểm này cũng phá vỡ vùng tích trên 1,260 điểm đã kéo dài trong 3 tuần. VN-Index có phiên hồi phục cuối tuần khi đường giá rơi ra ngoài dải bollinger trong 2 phiên trước đó dù vậy chỉ số vẫn chưa thể vượt qua SMA100. Các chỉ báo kỹ thuật duy trì ở mức dưới trung bình chưa cho thấy sự chắc chắn trong quá trình hồi phục.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm 60 xuống 46 điểm.
- MACD cắt đường tín hiệu từ trên xuống và thu hẹp nới mức 0.
- Thanh khoản duy trì ở mức trung bình.
- VN-Index giảm dưới SMA20 và SMA100 đồ thị tuần.

Nhận định: Diễn biến tuần là diễn tiêu cực nhất từ đợt phục kéo dài kể từ tháng 7 đến nay. Sự sụt giảm chủ yếu đến việc thị trường đã duy trì đà tăng dài và tâm lý chuyển biến xấu trước các thông tin thị trường. Thị trường đang cố gắng ổn định lại sau phiên bán tháo và đóng cửa trên SMA20 đồ thị tuần. Tuy nhiên diễn biến này chưa thể khẳng định khả năng thị trường sẽ sớm quay lại vùng tích lũy trên 1,260 điểm để có thể kiểm tra ngưỡng tâm lý 1,300 điểm trong vài tuần tới. VN-Index đang chuyển sang vùng nhiều biến động và một sự vận động giảm dưới 1,220 điểm hay 1,260 điểm sẽ hàm ý cho diễn biến tiếp theo giảm hoặc tăng của chỉ số.



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: *ECB nâng lãi suất 0.75%*

VIỆT NAM:

- Chính phủ: điều chỉnh giảm 31,396 tỷ đồng vốn NSTW đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ GTVT và chuyển cho 7 địa phương.
- NHNN: tăng mạnh giá bán USD từ 23.400 đồng/USD lên 23.700 đồng/USD, hiện dự trữ ngoại hối còn khoảng 97.7 tỷ USD. Đến ngày 26/8, tín dụng tăng 9.91% so với cuối năm 2021, mức tăng phù hợp với tăng trưởng kinh tế. Ban hành văn bản số 5962/NHNN-TTGSNH yêu cầu VAMC, tổ chức tín dụng, chi nhánh NH nước ngoài triển khai công tác xử lý nợ xấu.
- Bộ Tài chính: cơ cấu chi phí và rủi ro nợ công đang báo động, với tỷ lệ bình quân nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ/số thu ngân sách tăng vọt lên 19.62% vào 2016 - 2021, riêng 2021 là 21.80%.
- Bộ GTVT: công tác xử lý bất cập tại các trạm thu phí/dự án BOT cần bố trí vốn NSNN khoảng 13,115 tỷ đồng.
- Bộ Công Thương: Công bố văn bản 5188/BCT-ĐL về nguy cơ thiếu điện tại miền Bắc, cần tăng nhập khẩu điện từ Lào.
- Bộ Xây dựng: Đề án Đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030.
- Bộ Kế hoạch & Đầu tư: đề xuất tính toán các dự địa để tiếp tục giảm thuế, phí với xăng dầu, bao gồm thuế nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, bảo vệ môi trường và giá trị gia tăng.
- Cục Hàng không: Ước tính chi phí đầu tư làm hệ thống sân bay giai đoạn 2020 - 2030 khoảng 365,100 tỷ đồng; giai đoạn 2030-2050 khoảng 866,360 tỷ đồng.
- HOSE: thông báo ngày chính thức giao dịch lô lẻ 1 - 99 cổ phiếu từ ngày 12/09.
- Moody's: nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia dài hạn của Việt Nam từ Ba3 lên Ba2, với triển vọng được thay đổi từ Tích cực sang Ổn định.

THẾ GIỚI:

- Mỹ: thâm hụt thương mại thu hẹp 10.2 tỷ USD, giảm 12.6% so với tháng trước xuống 70.6 tỷ USD, xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 0.2% lên mức kỷ lục 259.3 tỷ USD, trong khi nhập khẩu giảm 2.9% xuống gần 330 tỷ USD.
- FED: Giá cả cao và thị trường lao động thắt chặt ảnh hưởng đến triển vọng kinh tế Mỹ 2023, nhưng lạm phát có dấu hiệu giảm tốc, cam kết giữ lãi suất ở ngưỡng cao.
- EU: PMI Anh T8.2022 điều chỉnh xuống 49.2 từ mức 49.9 trong T7, mức thấp nhất trong 18 tháng. Dự báo lạm phát đạt 8.1% (2022) và 5.5% (2023) và 2.3% (2024).
- Anh: Tổng doanh số bán lẻ tăng 3.6% trong T8.2022 svck 2021, doanh số bán hàng trực tuyến giảm 0.6%, mức giảm đầu tiên kể từ tháng Ba.
- ECB nâng lãi suất +75 điểm cơ bản, Canada tăng +75 điểm cơ bản lên 3.25%, Australia tăng +50 điểm cơ bản lên 2.35%
- Trung Quốc: dự kiến hỗ trợ 29 tỷ USD dưới hình thức các khoản vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi cho các dự án BĐS chưa hoàn thiện. Ấn định tỷ giá tham chiếu cho đồng Nhân dân tệ ở mức hơn 6.9 đối 1 USD, mức thấp nhất trong 2 năm.
- Trung Quốc: Kim ngạch xuất khẩu T8.2022 tăng 7.1% svck năm 2021 lên 314.9 tỷ USD, nhập khẩu T8.2022 nhích nhẹ 0.3%, thặng dư thương mại thu hẹp còn 79.4 tỷ USD.
- Anh: Lợi suất TPCP kỳ hạn 10 năm tăng 16 điểm cơ bản và hiện ở mức 3.10%, mức cao nhất kể từ T7.2011. PMI Anh T8.2022 điều chỉnh xuống 49.6 từ mức 52.1 trong T7 - thấp nhất kể từ T2.2021.

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

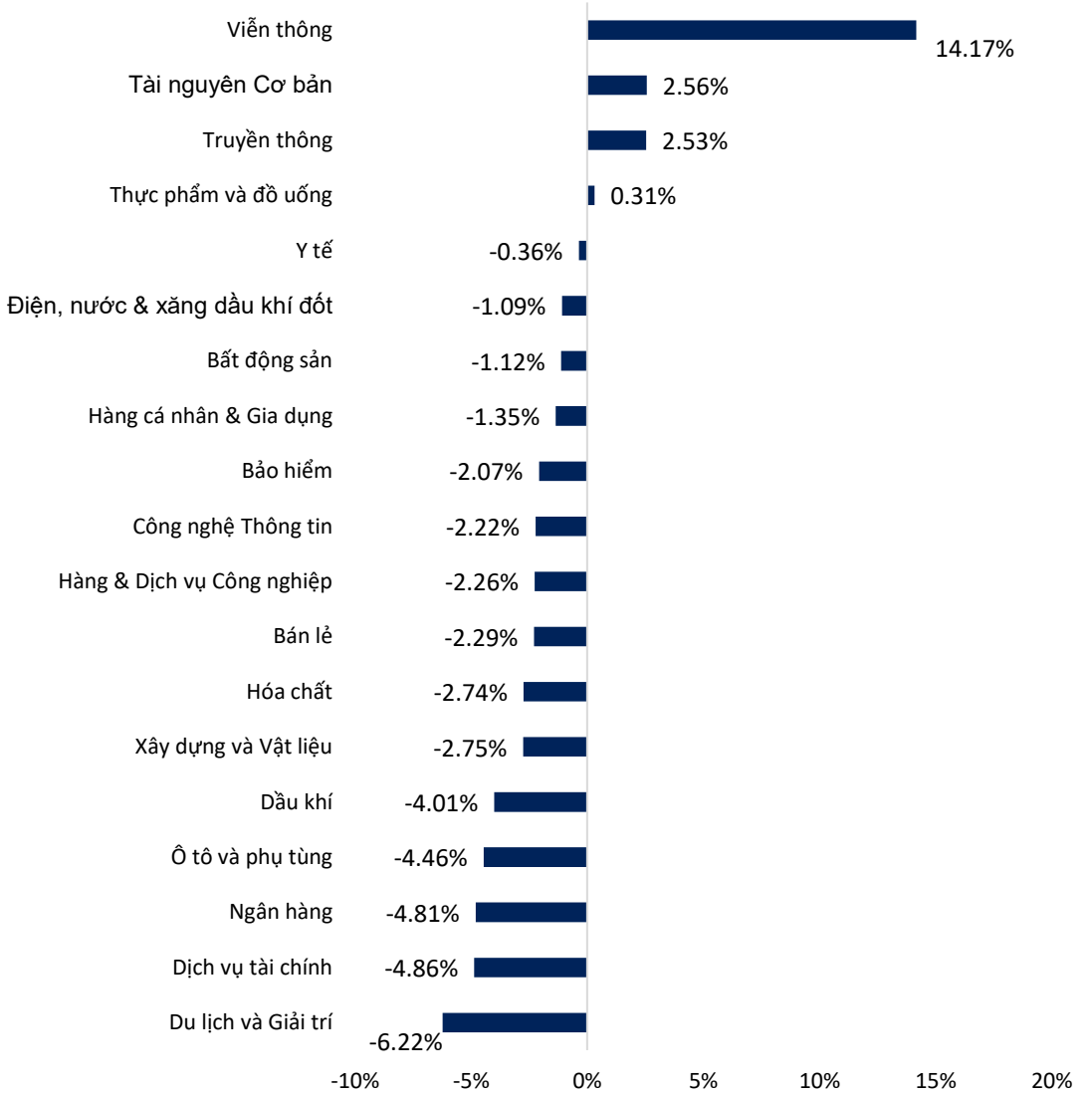
- Thông tin lạm phát Hoa Kỳ, tăng lãi suất BOE và biến động của thị trường chủ chốt.
- Các ETF cơ cấu danh mục và HĐTL đáo hạn.
- Ngày 12/9, Chỉ số sản xuất công nghiệp, GDP m/m của Anh. 13/9, Tỷ lệ thất nghiệp Anh; Cuộc họp các Bộ trưởng tài chính Châu Âu; CPI Hoa Kỳ. 14/9, CPI Anh và Pháp; Chỉ số sản xuất công nghiệp EU; Dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 15/9, Tỷ lệ thất nghiệp Australia; Lãi suất và chính sách tiền tệ Anh; Doanh thu bán lẻ, chỉ số sản xuất công nghiệp và đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 16/9, Doanh thu bán lẻ, sản xuất công nghiệp, tỷ lệ thất nghiệp Trung Quốc; Doanh thu bán lẻ Trung Quốc, Anh; Chỉ số niềm tin tiêu dùng Hoa Kỳ.



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu		
Viễn thông	3.94%	14.17%	-0.34%	VGI	-6.54%	
Tài nguyên Cơ bản	2.54%	2.56%	-1.42%	HPG	3.48%	HSG 3.37%
Truyền thông	0.72%	2.53%	15.24%	YEG	-7.87%	FOC -1.38%
Thực phẩm và đồ uống	0.96%	0.31%	5.30%	VNM	0.53%	MSN 1.40%
Y tế	0.61%	-0.36%	-1.89%	DBD	0.00%	PME 0.38%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	86.79	3.89%	0.21%	-3.21%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	92.84	4.14%	-0.19%	-3.52%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	243.31	3.71%	2.00%	-10.13%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,716.83	0.49%	0.27%	-4.22%		PNJ
Bạc	USD/oz.	18.86	1.74%	4.53%	-8.40%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1,412.25	1.89%	1.25%	-1.15%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	869.50	4.89%	9.47%	8.79%		AFX
Sữa	USD/cwt	20.93	1.65%	7.22%	2.50%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	217.70	0.69%	0.51%	-6.61%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	17.83	0.62%	0.06%	-1.05%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	228.50	2.84%	-1.72%	9.33%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	7,856.50	0.59%	2.93%	-1.58%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	3,756.00	1.10%	1.10%	-4.28%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2,286.00	0.82%	-0.41%	-8.21%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	714.50	2.88%	2.88%	-1.38%		HPG
Than đá	USD/MT	400.45	-0.76%	-1.65%	11.08%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	551.36	1.11%	1.11%	-6.00%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

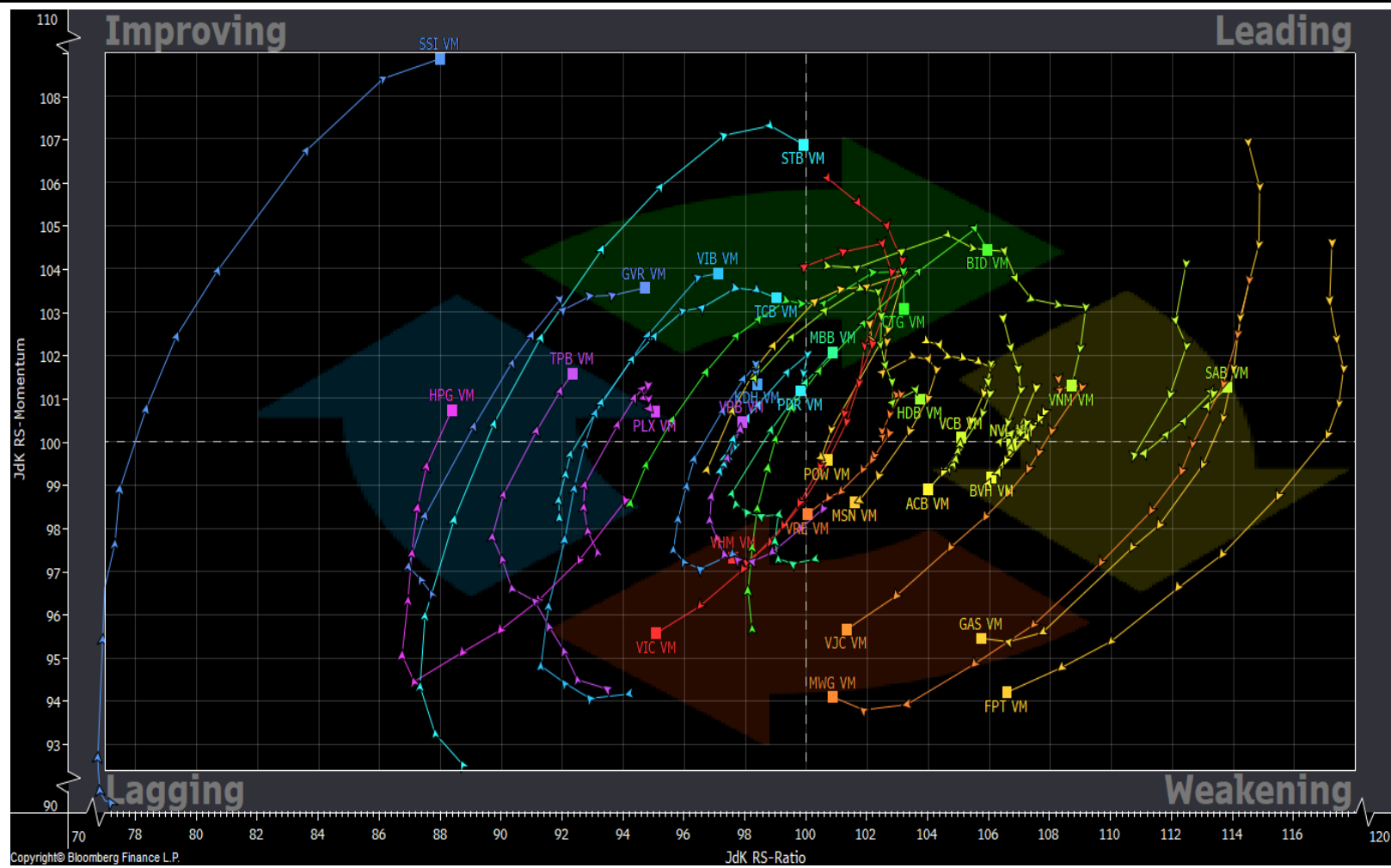
Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
NVL	3.42%	1.38
HPG	3.48%	1.18
SAB	3.14%	0.96
VIC	1.10%	0.68
MSN	1.40%	0.58
VNM	0.53%	0.21
VSH	8.78%	0.21
PGV	2.82%	0.20
TLG	15.91%	0.19
CMG	9.15%	0.15
Tổng		5.73

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VCB	-6.19%	-6.23
BID	-7.50%	-3.84
CTG	-4.96%	-1.70
GAS	-2.65%	-1.50
VPB	-4.09%	-1.48
HVN	-13.91%	-1.35
VHM	-1.80%	-1.21
TCB	-3.34%	-1.16
GVR	-3.80%	-1.01
MBB	-4.42%	-1.00
Tổng		-20.49

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VNM	187.32	54.91
HPG	141.94	20.43
PVD	125.91	9.89
HDB	92.90	18.12
PVS	86.53	10.01
NLG	54.29	40.94
MSN	53.23	28.94
POW	33.26	2.51
PVT	27.70	14.62
CMG	26.41	41.02
Tổng	829.49	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
NVL	-237.76	5.57
STB	-143.43	22.86
SSI	-133.71	35.24
KDH	-89.35	31.76
FUEVFN	-76.87	
VJC	-75.12	16.48
VCB	-74.92	23.50
MIG	-66.20	6.62
KBC	-61.29	17.82
GEE	-60.00	
Tổng	-1018.65	

Vận động cổ phiếu VN30



Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Leading → nên trong danh sách mua
- Weakening → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Lagging → nên trong danh sách tránh
- Improving → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng



DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Vận động khối ngoại trên sàn HSX			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	721.80	3,371.97	17,196.41
Giá trị bán	543.89	4,254.95	18,246.60
Mua / bán ròng	177.91	-882.98	-1,050.14
Giao dịch tự doanh			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	289.36	1,411.23	6,898.57
Giá trị bán	261.99	1,577.95	6,680.54
Mua / bán ròng	27.37	-166.72	218.02
Tự doanh mua ròng	Giá trị mua (tỷ VND)	Tự doanh bán ròng	Giá trị bán (tỷ VND)
FUEVFNVD	66.57	IDC	-151.07
E1VFN30	45.33	MSN	-81.63
POW	35.39	NKG	-69.80
GAS	24.85	IDP	-65.36
KBC	21.90	HSG	-59.96
VIC	15.85	HPG	-55.52
PLX	15.25	MWG	-43.66
VHC	14.75	VNM	-42.56
VCB	14.11	VCI	-25.97
VHM	12.98	GEX	-23.36

ETF	AUM (tr. USD)	NAV/CP (USD)	± Chứng chỉ quỹ	% Premium	Dòng vốn ròng (tr. USD)		
					1W	1M	3M
E1VFN30	342.54	0.98	-1.01	-3.26%	-4.95	-12.65	-22.51
FUEMAVN30	30.08	0.68	0.00	-3.63%	1.01	0.99	0.99
FUESSVFL	149.26	0.81	0.00	-2.13%	0.40	9.27	15.55
FUESSVN30	3.85	0.71	0.00	-2.67%	0.0	0.0	0.0
FUEVFNVD	786.12	1.23	-0.08	-3.73%	-1.8	-36.8	50.5
FUEVN100	11.11	0.75	0.00	-2.66%	0.0	0.4	2.3
FTSE Vietnam	312.68	35.40	0.00	-1.68%	0.5	34.5	33.7
FUBON FTSE	605.19	0.49	0.50	0.61%	1.0	11.8	96.3
iShare	358.65	27.91	0.00	-1.79%	0.0		-23.5
KIM	128.43	16.05	0.00	-0.21%	0.0	-3.15	-4.73
PREMIA	25.64	10.26	0.00	-0.68%	0.00	2.21	2.19
VNM	386.01	15.38	0.00	-0.25%	0.00	1.53	-14.37

Nhận định: Khối ngoại bán ròng trong tuần. Các ETF giao dịch trái chiều dù vậy quy mô bán ròng vẫn áp đảo với E1, Diamond. Trong tuần khối ngoại mua bán trái chiều trong khu vực. Họ mua ròng thị trường Ấn Độ, Philippines, Sri Lank và bán tại các thị trường còn lại .

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

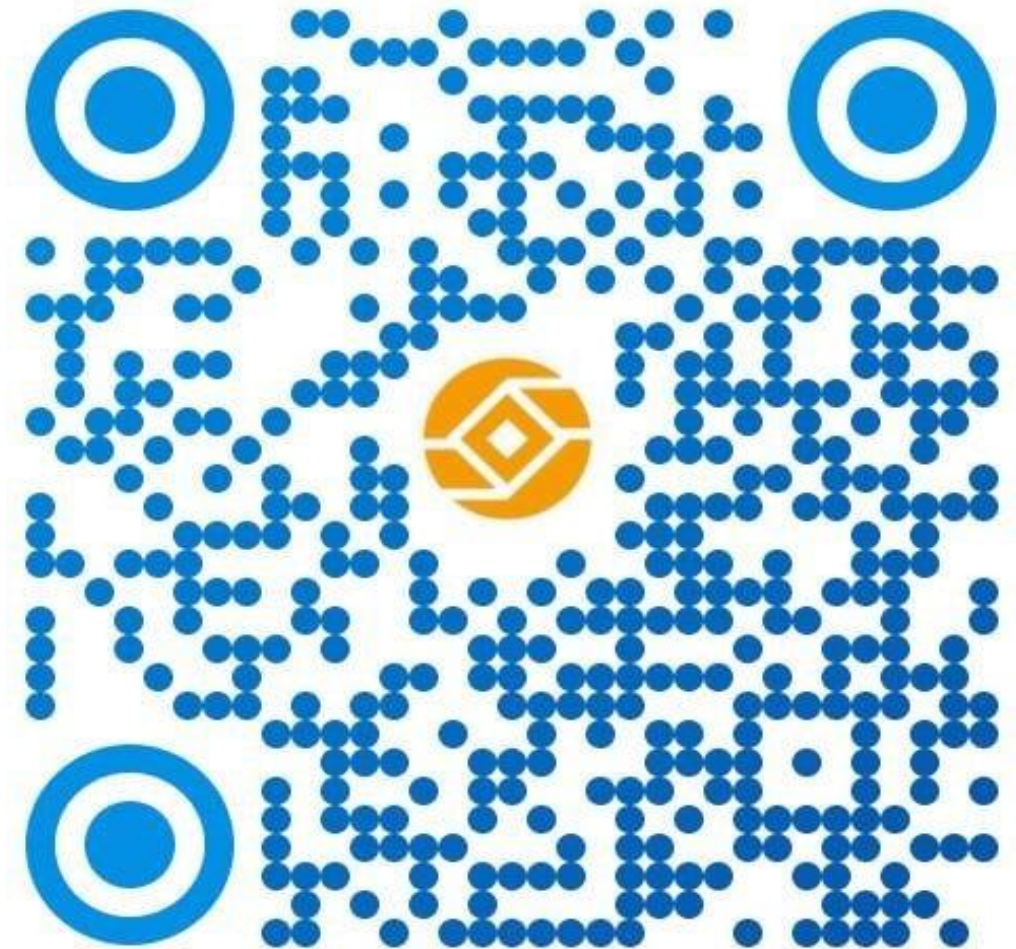
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký

